

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 13 – 01 – 2025.  
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Lợi.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Nguyễn Hồng Nguyên.*

*Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.*

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 462/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân Đ – sinh năm: 1992.*

*Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.*

*Bị đơn: Anh Trần Văn Q – sinh năm: 1983.*

*Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.*

*(chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Q vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010 và được Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/10/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tình tình vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau. Nay tình cảm không còn nên anh yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Q không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với anh Trần Văn Q: Mặc dù khi thụ lý và tiến hành các hoạt động tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập anh Q đến Tòa án làm việc nhưng anh Q không đến Tòa án để thể hiện nguyện vọng của mình.

*Các tài liệu, chứng cứ các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập thì Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.*

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:***

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị Đ và anh Q đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, cho chị Nguyễn Thị Xuân Đ được ly hôn với anh Trần Văn Q.

+ Về con chung: Chị Đ và anh Q không có con chung. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ kê khai không có, không yêu cầu giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh Q nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

+ Về án phí: Đề nghị buộc chị Nguyễn Thị Xuân Đ phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Trần Văn Q. Anh Q cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Xuân Đ và anh Trần Văn Q là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Chị Đ và anh Q kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 28/10/2010. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn với anh Q nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 11, 85, 89, 91 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh Q tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2010. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Đ yêu cầu ly hôn do tình tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập anh Q đến Tòa án để hòa giải nhưng anh Q không đến để làm việc. Điều này thể hiện ý chí của anh Q không muốn hàn gắn, đoàn tụ. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau.

Xét thấy hôn nhân của chị Đ và anh Q trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân Đ là cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Q.

[3.2]. Về con chung: Chị Đ và anh Q không có con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh Q nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

[4]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị Nguyễn Thị Xuân Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 11, 85, 89, 91 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

- Các Điều 9, 51, 56, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân Đ. Cho chị Nguyễn Thị Xuân Đ được ly hôn anh Trần Văn Q.

2. Về con chung: Chị Đ và anh Q không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0013505 ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Xuân Đ và anh Trần Văn Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;

- VKSND huyện Tân Phú;

- Chi cục THADS huyện Tân Phú;

- Ủy ban nhân dân xã Thanh Sơn: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 40, cấp ngày 28/10/2010);

- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Văn Lợi**